**TUẦN 23**

*Thứ hai, ngày 17 tháng 2 năm 2025*

**Hoạt động trải nghiệm**

**Sinh hoạt dưới cờ: PHONG TRÀO CHÚNG EM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**I.YÊU CÂU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Hs biết được những nét chung về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên quê hương. Học sinh có ý thức và thái độ tích cực, tự giác thực hiện những việc làm bảo vệ cảnh đẹp thiên nhiên quê hương. (NL thích ứng với cuộc sống)

**2. Phẩm chất**

- Phẩm chất trách nhiệm: làm việc tập trung, nghiêm túc, có trách nhiệm trước tập thể lớp.

**3. Giáo dục địa phương**: Giáo dục các em có ý thức giữ vệ sinh quê hương cũng như khu vực trường học và nơi công cộng. Biết phân loại rác trong sinh hoạt

.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên:

- Loa, míc, máy tính có kết nối mạng Internet, video hài...

2. Học sinh: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Chào cờ (10 p)**  - HS tập trung trên sân cùng HS toàn trường.  - Thực hiện nghi lễ chào cờ.  - Đội cờ đỏ trực ban tuần lên nhận xét thi đua.  - Giới thiệu sách.  - Đại diện BGH nhận xét bổ sung và triển khai các công việc tuần mới.  **2. Sinh hoạt dưới cờ: Phong trào chúng em bảo vệ môi trường. (18 p)**  - GV tổ chức học sinh nói chuyện về việc bảo vệ môi trường.  - Mời các lớp thu gom rác thải theo khu vực phân công. Nhắc HS phân loại rác và bỏ đúng nơi quy định.(GDĐP Phân loại rác mục I)  - GV cho HS tập trung và nêu cảm nghĩ của mình  **3. Tổng kết, (5 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - GV dặn dò HS chuẩn bị nội dung HĐGD theo chủ đề | - HS điểu khiển lễ chào cờ.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe   * HS làm việc   HS nêu cảm nghĩ của mình  HS khác nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**

**Tiếng Việt**

**Bài đọc 1: PHỐ PHƯỜNG HÀ NỘI (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

**1.1.Năng lực ngôn ngữ**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, VD: Long Thành, rành rành, trải, ...

- Củng cố cách viết tên riêng Việt Nam.

**1.2. Phát triển năng lực văn học:**

- Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài ca dao: Ca ngợi sự phong phú, đa dạng của của phố phường Hà Nội, thể hiện nét đẹp văn hoá của Thủ đô.

+ Biết bày tỏ sự yêu thích với cách tạo nên một bài thơ (ghép tên các phố củaHà Nội).

+ Biết thể hiện ý kiến của em để nói về điều mình thích trong bài thơ.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**\*Giáo dục lý tưởng cách mạng ,đạo đức, lối sống**

-Giáo dục lòng yêu mến, tự hào về vẻ độc đáo của phố phường Hà Nội

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy,

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động. 10p**  **(1) Kể tên một đô thị ở địa phương (huyện, tỉnh, thành phố) của em**  - GV cho HS quan sát tranh và kể tên đô thị ở địa phương em  **(2) Tham gia trò chơi Hái táo: Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm nổi bật của cuộc sống đô thị**  GV mời HS 1 xung phong hái quả táo thứ nhất; HS1 tự chọn một bạn tiếp sức cùng để hái quả táo thứ hai, ...; lần lượt như vậy cho đến khi các quả táo được hái hết. Kết quả cần đạt: HS chọn được 7 quả táo chứa các từ: náo nhiệt, đông đúc, năng động, tấp nập, nhộn nhịp, sầm uất, ồn ào.  **Giới thiệu chủ điểm và bài đọc mở đầu chủ điểm**  Giới thiệu bài:  **2. Khám phá: 30p**  **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm toàn bài ca dao, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.  - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV gọi HS đọc nối tiếp mỗi em 2 câu.  - Luyện đọc từ khó: *Long Thành, rành rành, Hàng Giày, Hàng Lờ, Hàng Nón, thật là, rủ nhau, chẳng sai, Mã Vĩ, Hàng Giày, trải xem, cũng xinh* Luyện đọc câu:  *Rủ nhau/ chơi khắp/ Long Thành/*  *Ba mươi sáu phố/ rành rành chẳng sai//*  *-* Luyện đọc: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp theo nhóm 4.  - GV nhận xét các nhóm.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu.**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt 4 câu hỏi trong sgk. GV nhận xét, tuyên dương.  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Tên bài ca dao cho em biết bài này nói về điều gì?  + Câu 2: Theo bài ca dao, Hà Nội ngày xưa có bao nhiêu phố?  GV mở rộng: Bài ca dao rất thú vị. Đọc bài ca dao, chúng ta có thể nhớ được tên các phố của Hà Nội xưa, từ đó phần nào thấy được sự sầm uất của kinh thành Thăng Long.  + Câu 3: Đọc các tên phố, tìm hiểu phố đó ngày xưa chuyên làm hoặc bán mặt hàng gì?  GV bổ sung:  + Câu 4: Bài ca dao ghép tên các phố ở Hà Nội thành thơ. Theo em, điều đó có ý nghĩa  gì? Chọn ý em thích.  GV giải thích yêu cầu của bài tập: Mỗi người có thể đưa ra cách giải quyết riêng của mình. Cần trao đổi, thảo luận để khẳng định ý kiến, thuyết phục người nghe bằng các lý do phù hợp.  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV Chốt: ***Bài ca dao thể hiện tình yêu và niềm tự hào của tác giả dân gian khi nói về sự sầm uất của thành Thăng Long (Hà Nội ngày nay) với 36 phố phường. Qua bài ca dao, các em có thêm hiểu biết, thêm mến yêu những vẻ đẹp văn hoá của Thủ đô Hà Nội.***  **3. Hoạt động luyện tập: 25p**  ***1. Tên các phố trong bài ca dao được viết như thế nào? (dùng thẻ)***  - GV yêu cầu 1 HS đọc đề bài. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV giao nhiệm vụ làm việc cá nhân  - GV tổ chức giơ thẻ  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  GV lưu ý: Các phố cổ ở Hà Nội xưa vốn làm hoặc bán một thị mặt hàng nào đó nên đều gọi bằng từ hàng (giống như cửa hàng) và từ chỉ mặt hàng (VD: bạc, gà, giấy,...). Về sau, mỗi tiếng trở thành một phần của tên phố nên được viết hoa: Hàng Bạc, Hàng Gà, Hàng Giấy,...  ***2. Thực hành viết tên địa lí Việt Nam***  ***Viết tên 2 thành phố ở Việt Nam mà em biết (BT 2).***  – GV mời HS đọc BT2. Cả lớp đọc thầm theo.  − HS làm việc độc lập viết tên 2 thành phố ở Việt Nam mà em biết vào bảng con.  - GV quan sát nhận xét, hướng dẫn HS sửa lỗi  - GV nhận xét tuyên dương.  GV giao nhiệm vụ cho HS:  1. Tự đọc sách báo ở nhà theo yêu cầu đã nêu trong SGK  **4. Vận dụng.5p**  **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  \*Tích hợp Giáo dục lý tưởng cách mạng ,đạo đức, lối sống  + Cho HS quan sát video cảnh phố phường Hà Nội ngày nay  + Em có cảm nhận gì khi được xem cuộn video?  - Nhắc nhở các em cần nghiêm túc trong các hoạt động tập thể. Biết giữ trật tự, lắng nghe, không ồn ào gây rối,...  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS quan sát tranh.  HS tham gia trò chơi  - Hs lắng nghe.  - HS lắng nghe cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát  - HS đọc nối tiếp mỗi em 2 câu.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS luyện đọc theo nhóm 4.  - HS trả lời lần lượt các câu hỏi:  + HS nêu và lần lượt các bạn bổ sung.  + Nhóm đôi thảo luận và đưa ra ý kiến.  - HS nêu  - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân.  - GV cho cả lớp giơ thẻ (a / b/c) để nêu ý mình đã chọn  - HS nhận xét chốt ý C đúng    - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - Cá nhân tự viết vào bảng con sau đó trình bày trước lớp.  - Lớp nhận xét, sửa lỗi  -Nghe GV hướng dẫn về nhà thực hiện  - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS quan sát video.  + Trả lời theo cảm nhận của mình. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Buổi chiều:**

Toán

**KHỐI HỘP CHỮ NHẬT. KHỐI LẬP PHƯƠNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật. Nhận biết được các yếu tố cơ bản của khối lập phương, k[hối hộp chữ nhật là đỉnh,](https://blogtailieu.com/) mặt, cạnh.

- [Đếm được số lượng đ](https://blogtailieu.com/)ỉnh, mặt, cạnh của khối lập phương, [khối hộp chữ nhật](https://blogtailieu.com/)

**2. Năng lực.**

**-**Quan sát, phân tích để xác định được các đặc điểm về mặt, đỉnh, cạnh của khối hộ chữ nhật, khối lập phương**.** (NL tư duy và lập luận toán học)

**-**Trình bày, giải thích về các đặc điểm của khối hộ chữ nhật, khối lập phương.(NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học)

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV: Kế hoạch bài dạy, SGK, khối hộp CN, khối hộp LP

-HS: bộ ĐDHT toán, vở BT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động(5p):**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Quan sát hình và trả lời các dạng hình khối nào:  + hình khối trụ: Hộp hạt điều, bình nước, hộp cầu lông.  + Hình khối cầu: Quả bóng, quả bóng tennis.  + hình khối lập phương: Con xúc xắc, hộp quà.  + Hình khối hộp chữ nhật: hộp bánh, quyển sổ.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| 2.Khám phá (10p)  - Yêu cầu học sinh quan sát 2 hộp trên bảng và chỉ ra đâu là khối hộp chữ nhật, đâu là khối lập phương.  - GV giới thiệu các mặt, đỉnh, cạnh của khối hộp chữ nhật và khối lập phương.  - YCHS lấy trong bộ đồ dùng học tập khối HCN, GV yêu cầu HS chỉ lần lượt vào từng vị trí trên hình khối để nhận diện mặt, đỉnh và cạnh của khối hộp.  - YCHS đếm tất cả các mặt, cạnh, đỉnh và rút ra nhận xét về các mặt của khối hộp chữ nhật.  - Làm tương tự với khối lập phương.  - GV chốt đặc điểm của hai khối hộp  - YCHS so sánh đặc điểm của hai hình khối.  \* GV kết luận:  Khối hộp có 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh  Khối lập phương có mặt đều là hình vuông  Khối hộp chữ nhật có mặt là hình chữ nhật.  **3. Luyện tập(15p):**  **Bài 1: (Làm việc cá nhân)**  a) YC chỉ trên vật mẫu các mặt, đỉnh, cạnh của hai khối hộp.  - GV nhận xét, tuyên dương các em biết chỉ đúng đỉnh, cạnh, mặt của khối hộp.  b) Gv cho Hs nêu lại đặc điểm của khối hình chữ nhật và khối lập phương.  - YCHS thực hiện làm bài vào vở. Trao đổi chéo vở cho nhau để nhận xét.  - GV nhận xét.  **Bài 2: (Làm việc nhóm 2). Quan sát hình vẽ, trả lời câu hỏi.**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập.  - Chia lớp thành các nhóm đôi, thảo luận và trả lời theo đề bài.  a) Hình trên có bao nhiêu khối hộp chữ nhật, bao nhiêu khối lập phương?  b) Những hình nào có 6 mặt đều là hình vuông?  c) Những hình nào có 12 cạnh?  - GV mời đại diện các nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm khác nhận xét và giải thích câu trả lời của mình.  - GV Nhận xét chung, tuyên dương.  **Bài 3: Tổ chức trò chơi “ Đoán hình ”**  - GV chuẩn bị 1 thùng giấy đựng các đồ vật có hình khối hộp chữ nhật hoặc khối lập phương lớn nhỏ khác nhau. Một bạn bịt mắt, cho tay vào trong túi lấy ra 1 khối hộp bất kì, nêu lên đặc điểm của khối và nêu tên khối. Các bạn còn lại làm trọng tài.  - GV tổng kết, nhận xét chung.  \* Chốt kiến thức:  Khối hộp có 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh  Khối lập phương có mặt đều là hình vuông  Khối hộp chữ nhật có mặt là hình chữ nhật. | - HS quan sát và trả lời.  - HS thực hiện, thao tác trên bộ đồ dùng học tập.  - HS quan sát, đếm và chia sẻ với bạn  -Các nhóm chia sẻ trước lớp  - nhóm khác nhận xét, bổ sung  - HS nhắc lại ghi nhớ nhiều lần.  - HS làm việc CN  2 HS lên bảng. Lớp quan sát và nhận xét.  - HS nêu.  - HS thực hiện.  - 1 HS Đọc đề bài.  - Lớp chia nhóm và thảo luận.  a) HS: Có 4 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương.  b) HS: Hình màu tím và màu xanh ngọc.  c) 4 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương là những hình có 12 cạnh.  - 1HS hỏi - 1HS trả lời.  - HS nhận xét.  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe.  - HS ghi nhớ. |
| **4. Vận dụng(5p).**  - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập số 4.  - Mời HS chia sẻ ý kiến của mình trước lớp và giải thích tại sao.  - GV nhận xét.  - GV cho học sinh nhắc lại một số đồ vật quen thuộc trong gia đình có các dạng: Dạng hình khối lập phương, dạng hình khối hộp chữ nhật, dạng hình khối cầu, dạng hình khối trụ.  - GV Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học. | - HS đọc.  - HS: Em đồng ý với ý kiến của bạn Vì khối lập phương có các mặt đều là hình vuông bằng nhau nên tất cả các cạnh của khối lập phương đều bằng nhau.  - HS tự nêu theo hiểu biết của bản thân  - HS lắng nghe. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................. | |

**Tự nhiên và xã hội**

**CƠ QUAN TIÊU HÓA (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**1.1. Về nhận thức khoa học :**

- Nêu được quá trình tiêu hoá thức ăn ở dạ dày, ruột non, ruột già.

- Nhận biết được chức năng của cơ quan tiêu hóa qua hoạt động ăn uống và thải bã.

- Nêu được chức năng của cơ quan tiêu hoá.

**1.2. Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tiêu hóa.

**1.3. Về vận dụng kiến thức , kĩ năng đã học**

- Làm thử nghiệm khám phá vai trò của răng, lưỡi, nước bọt trong quá trình tiêu hóa thức ăn ở khoang miệng.

- Nhận biết được chức năng của cơ quan tiêu hóa qua hoạt động ăn uống và thải bã.

**2. Phẩm chất :**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 5 phút**  - GV tổ chức cho HS chơi trò *“ Ong non học việc”*  - Cách chơi: GV chiếu một số câu hỏi, HS chọn đáp án và viết vào bảng con. Giơ bảng khi có hiệu lệnh.  - GV tổ chức cho HS chơi  *Gợi ý câu hỏi:*  Câu 1: *Cơ quan tiêu hóa gồm hai phần chính là ống tiêu hóa, dạ dày và các tuyến tiêu hóa?*   1. Đúng B. Sai   Câu 2: *Ống tiêu hóa gồm: miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già và hậu môn?*   1. Đúng B. Sai   Câu 3: *Các tuyến tiêu hóa gồm: tuyến nước bọt, gan, mật và tuyến tụy?*   1. Đúng B. Sai   - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Ở tiết học trước cô và các con đã tìm hiểu về các bộ phận chính của cơ quan tiêu hoá qua sơ đồ cơ quan tiêu hoá. Hôm nay cô trò mình tiếp tục tìm hiểu về “Cơ quan tiêu hoá” tiết 2.*  **2. Khám phá***: 15 phút*  **Hoạt động 3. Thực hành khám phá sự tiêu hoá thức ăn ở khoang miệng (Làm việc nhóm)**  - GV mời HS đọc yêu cầu đề bài.  **-** GV chia lớp thành các nhóm. Phát cho mỗi nhóm một chiếc bánh mì hoặc cơm. Yêu cầu HS trong nhóm nhai kĩ khoảng một phút.  - Tiếp theo, trưởng nhóm điều khiển các bạn chia sẻ về:  + Sự thay đổi độ cứng và vị của miếng bánh mì hoặc cơm trước và sau khi nhai.  + Vai trò của răng, lưỡi và nước bọt khi ăn.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày.  - GV mời đại diện nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV chốt hoạt động và mời HS đọc lại.  *Ở khoang miệng, thức ăn được nghiền nhỏ, nhào trộn, tẩm ướp. Khi nhai kĩ, nước bọt sẽ giúp biến đổi một lượng nhỏ thức ăn chứa chất bột như bánh mì, cơm, ... thành đường.*  **3. Luyện tập***: 10 phút*  **Hoạt động 4. Tìm hiểu sự tiêu hoá thức ăn ở dạ dày, ruột non và ruột già. (Làm việc cá nhân)**  ***Chỉ và nói quá trình tiêu hoá thức ăn ở dạ dày, ruột non, ruột già trong các hình dưới đây.***  - GV mời HS đọc yêu cầu đề bài.  - GV chiếu khung hình 1-3 như SGK trang 85.  - Gọi HS lên bảng chỉ và nói nội dung của mỗi khung hình.  - Gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV chốt: Quá trình tiêu hoá thức ăn trong cơ quan tiêu hoá gồm bốn giai đoạn:  1. Lấy vào: Nhai và nuốt thức ăn ở miệng qua thực quản.  2. Tiêu hoá: Biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng ở dạ dày và ruột non.  3. Hấp thu: Lấy chất dinh dưỡng vào máu để nuôi cơ thể ở ruột non.  4. Thải ra: Loại bỏ các chất cặn bã ở ruột già ra ngoài cơ thể qua hậu môn.  - Gọi HS nhắc lại..  **Hoạt động 5: Xác định chức năng của cơ quan tiêu hoá**  - GV chiếu câu hỏi, gọi HS đọc.  1. Kể về việc ăn uống hằng ngày của em.  2. Em có nhận xét gì về lượng thức ăn, đồ uống được đưa vào cơ thể và lượng cặn bã thải ra?  3. Cơ quan tiêu hoá có chức năng gì?  - GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4.  - Gọi đại diện nhóm trình bày.  - Gọi đại diện nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - **GV chốt:** *Cơ quan tiêu hoá có chức năng biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng nuôi cơ thể và thải các chất cặn bã ra ngoài.*  - Gọi HS đọc lại  **4. Vận dụng: 5 phút**  - GV tổ chức cho HS chơi trò *“ Ai bay cao hơn”*  - Cách chơi: GV chiếu một số câu hỏi, HS chọn đáp án và viết vào bảng con. Giơ bảng khi có hiệu lệnh.  - GV tổ chức cho HS chơi  *Gợi ý câu hỏi:*  Câu 1: *Quá trình tiêu hoá gồm 3 giai đoạn (lấy vào, tiêu hoá, thải ra).*   1. Đúng B. Sai   Câu 2: *Ở dạ dày, thức ăn được nhào trộn, nghiền nát thành dạng lỏng. Một phần thức ăn được dịch vị biến đổi thành chất dinh dưỡng.*   1. Đúng B. Sai   Câu 3: *Cơ quan tiêu hoá có chức năng biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng nuôi cơ thể và thải các chất cặn bã ra ngoài.*   1. Đúng B. Sai   - GV nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe, quan sát  - HS tham gia trò chơi.  - HS trả lời  - 1 Học sinh đọc yêu cầu bài.  - HS trong nhóm nhận bánh mì hoặc cơm, nhai và cảm nhận.  - HS thảo luận nhóm và chia sẻ.  - Đại diện nhóm trình bày.  - Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc lời con ong ở trang 85 SGK.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát  - 1,2 HS lên bảng, cả lớp lắng nghe, quan sát.  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - 1,2 HS đọc, cả lớp quan sát  - HS thảo luận nhóm 4  - Đại diện nhóm trình bày  - Đại diện nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe.  - 1,2 HS đọc kiến thức cốt lõi ở trang 86 SGK.  - HS lắng nghe, quan sát  - HS tham gia trò chơi.  - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

Phần luyện tập H**Đ** 4. nên cho hs hoạt động nhóm đôi sau đó chia sẻ trước lớp.

***-----------------------------------------------------------------***

**Tự chọn**

**CCKT VỀ SO SÁNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**.

- Củng cố cho HS về biện pháp tu từ so sánh .

- HS biết chọn câu có hình ảnh so sánh, biết tìm các sự vật được so sánh với nhau; Biết vận dụng viết câu văn có sử dụng biện pháp so sánh.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ làm bài, rèn tính cẩn thận .

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc. Hoà đồng với mọi người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ BT2, BT3.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động(5p)**  - GV yêu cầu HS tự lấy ví dụ về câu có hình ảnh so sánh?  + Nêu các cách so sánh đã học.  - Nêu từ chỉ sự so sánh ngang bằng?  - Nêu tác dụng của biện pháp so sánh.  - GV nhận xét, giới thiệu bài  **2. Luyện tập(25p)**  Bài 1: Gạch chân dưới các sự vật được so sánh trong câu sau: (GV treo bảng phụ)  + Quả cỏ mặt trời có hình thù như một con nhím xù lông.  + Mỗi cánh hoa giấy giống hệt một chiếc lá chỉ có điều mong manh hơn và có màu sắc rực rỡ.  + Mái tóc bà bạc trắng như cước.  + Trẻ em như búp trên cành.  - Mỗi hình ảnh so sánh đó thuộc kiểu so sánh nào?  *-* GV nhận xét, nhắc HS sử dụng hình ảnh so sánh trong viết văn để có những câu văn hay.  Bài 2: Chọn từ chỉ đặc điểm để điền vào chỗ chấm: (BP)  a, Ở thành phố, người ... như kiến.  b, Con kiến .... như hạt cát.  c, Mào con gà .... như hoa lựu.  \*d. Mặt trời vào buổi sáng ... như quả bóng.  - GV yêu cầu HS tự làm bài vào vở.  *a, Ở thành phố, người đông như kiến.*  *b, Con kiến nhỏ như hạt cát.*  *c, Mào con gà đỏ như hoa lựu.*  *d, Mặt trời vào buổi sáng tròn như quả bóng*  - GV hướng dẫn nhận xét, chữa bài, chốt đáp án đúng:    - Em hãy nêu các sự vật được so sánh với nhau trong các câu trên?  \*Các câu trên thuộc mẫu câu nào?  Chốt : Khi nói, viết câu văn có hình ảnh so sánh, nên dùng từ chỉ đặc điểm để các sự vật so sánh thêm sinh động.  Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm để tạo thành câu văn có các hình ảnh so sánh. (BP)  a. Giờ ra chơi, sân trường ồn ào như .......  b. Những nhành liễu buông rủ mềm mại như ...........  c. Trưa hè, mặt hồ sáng lấp lánh như...........  \*d. Đồng lúa chín vàng rực như ....  - Cho HS nhắc lại về hình ảnh so sánh.  + Nụ cười của bé tươi như hoa. (như nắng mùa thu,..)  + Con sông quê em dài như một dải lụa.  (uốn lượn như một con rồng,...)  + Những chùm vải chín như những mặt trời tí hon lấp ló trong cây. (như những chiếc đèn lồng nhỏ xíu)  - GV yêu cầu HS tự làm bài.  - GV cùng HS chữa bài, nhận xét câu văn hay.  *KL: Cần lựa chọn sự vật có nét giống nhau hoặc tương đồng nhau để so sánh.*  Bài 4: Đặt 2 câu có hình ảnh so sánh trong đó sự vật được so sánh với nhau về đặc điểm.  - Gọi HS đọc câu, nêu rõ sự vật được so sánh, đặc điểm so sánh.  Củng cố cách đặt câu có hình ảnh so sánh.  **3. Vận dụng(3p)**  - Nêu các kiểu so sánh đã học.  - Đặt 1 câu kiểu so sánh ngang bằng, 1 câu so sánh hơn kém.  - Nhận xét giờ học. Nhắc HS vận dụng biện pháp so sánh vào viết câu, viết văn. | - HS nói câu có hình ảnh so sánh của mình trong nhóm đôi -> 2 - 3 HS nêu trước lớp.  - So sánh sự vật - sự vật; So sánh sự vật với con người; So sánh đặc điểm của hai sự vật.  - HS nêu: như, là, tựa,...  \*1,2 HS nêu: Biện pháp so sánh nhằm làm nổi bật khía cạnh nào đó của sự vật, sự việc.  - 1 HS đọc yêu cầu bài, HS khác theo dõi.  - HS đọc thầm câu văn, làm trong vở.  - 2 HS lên bảng làm (mỗi HS một câu).  + Quả cỏ mặt trời có hình thù như một con nhím xù lông.  + Mỗi cánh hoa giấy giống hệt một chiếc lá chỉ có điều mong manh hơn và có màu sắc rực rỡ.  + Mái tóc bà bạc trắng như cước.  + Trẻ em như búp trên cành.  - HS trả lời.  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS đọc thầm các câu.  - HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng làm bài.  - 1 số HS đọc câu văn của mình.  - HS nhận xét, chữa bài.    - 1 HS lên bảng gạch chân dưới các sự vật được so sánh với nhau trong các câu trên.  \*Câu Ai thế nào?  - HS đọc, xác định yêu cầu.  - HS làm bài vào vở. 4 HS lên bảng làm bài.  - 1 số HS đọc câu văn của mình.  VD: a, ..... đàn chim vỡ tổ.  b, .... mái tóc người con gái.  c, .... dát vàng.  d. .... tấm thảm nhung khổng lồ.  - HS nêu lại về hình ảnh so sánh: gồm các sự vật được so sánh và từ so sánh.  - HS nhận xét, chữa bài.  - HS đọc yêu cầu.  - HS đặt câu, ghi vào vở, đọc câu :  - HS nêu  - HS đặt câu.  - HS lắng nghe.  Hs nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**

*Thứ ba, ngày 18 tháng 2 năm 2025*

**Toán**

**THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc được giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng 5 phút một (có số phút là bội của 5).

**2. Năng lực.**

- Đọc đúng số giờ trên đồng hồ theo yêu cầu. (NL tư duy và lập luận toán học)

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy (mô hình đồng hồ thật).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:5 phút**  - GV tổ chức trò chơi: *Ai nhanh – Ai đúng về* xem đồng hồ theo giờ đúng để khởi động bài học.  - GV phổ biến luật chơi và hướng dẫn HS cách chơi: Nhìn đồng hồ và nêu giờ đúng của đồng hồ. Ai giơ tay nhanh nhất và có câu trả lời đúng sẽ được tặng 1 sticker.  + 9 giờ, 12 giờ, 7 giờ, 2 giờ, 4 giờ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá: 10 phút**  - GV YC HS lấy mô hình đồng hồ  - GV yêu cầu HS quan sát vào mỗi vạch trên đồng hồ và lưu ý cho HS về giờ đúng, giờ hơn, giờ kém và đọc giờ theo từng 5 phút một.  - GV quay kim đồng hồ chỉ 9 giờ 10 phút để HS nhận ra và đọc đúng giờ, phút.  + 9 giờ 10 phút kim ngắn chỉ vào số mấy và kim dài chỉ vào số mấy?  - GV mời HS khác nhận xét.  - GV quay kim đồng hồ và hỏi tương tự với đồng hồ chỉ 9 giờ 15 phút và 9 giờ 35 phút để HS nhận ra và đọc đúng giờ, phút.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nêu câu hỏi:  + Theo các em, 9 giờ 45 phút thì kim phút chỉ số mấy?  + Theo các em, 9 giờ 50 phút thì kim phút chỉ số mấy?  - GV nhận xét.  - GV yêu cầu HS quay đồng hồ chỉ 9 giờ 45 phút và 9 giờ 50 phút.  - Từ khi kim phút chỉ vạch số này đến vạch số tiếp theo là mấy phút?  - GV gọi HS khác nhận xét. GV nhận xét.  - GV hỏi: Vậy theo các em hai bạn nữ trong tranh phía trên, bạn nào trả lời đúng?  - GV nhận xét.  **3. Luyện tập: 13 phút**  **Bài 1. Số (Làm việc cá nhân)**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  **a.**  **-** GV cho HS làm bài miệng, trả lời cá nhân.  - GV mời HS khác nhận xét bạn.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **b. (Làm việc nhóm đôi)**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (1 bạn hỏi – 1 bạn trả lời)  - Gọi 3 cặp HS báo cáo kết quả thảo luận (mỗi nhóm 1 đồng hồ)  - GV mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét  **Bài 2: (Làm việc cá nhân)**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  **a.**  - GV yêu cầu HS thực hiện trên mô hình đồng hồ theo yêu cầu của bài tập: thực hiện quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 6 giờ 5 phút và 6 giờ 10 phút.  - GV mời HS lên bảng thực hiện quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 6 giờ 5 phút và 6 giờ 10 phút.  - GV đặt câu hỏi: Từ 6 giờ 5 phút đến 6 giờ 10 phút là bao nhiêu phút?  - GV mời HS nhận xét.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **b.**  - GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự ý a, thực hiện quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 11 giờ 25 phút, 11 giờ 35 phút và trả lời câu hỏi.  - GV mời HS nhận xét.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **4. Vận dụng:7 phút**  - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng” về đọc được giờ theo từng 5 phút một.  - GV phổ biến luật chơi và cách chơi: Lớp trưởng lên quay kim đồng hồ. HS dưới lớp nhìn đồng hồ và nêu giờ của đồng hồ. Ai giơ tay nhanh nhất và có câu trả lời đúng sẽ được tặng 1 sticker.  + 9 giờ 5 phút, 12 giờ 15 phút, 7 giờ 25 phút, 2 giờ 45 phút, 4 giờ 10 phút.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học | - HS tham gia trò chơi  - HS nhìn đồng hồ và nêu giờ.  - HS lắng nghe.  - HS lấy mô hình đồng hồ  - HS quan sát theo yêu cầu và lắng nghe.  - HS đọc giờ và trả lời câu hỏi.  - HS nhận xét bạn.  - HS đọc giờ và trả lời câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi  - HS thực hiện theo YC.  - HS trả lời.  - HS nhận xét bạn.  - HS trả lời.  - 1 HS nêu yêu cầu bài  - 3, 4 HS đọc số chỉ phút thích hợp với các số trên mặt đồng hồ còn thiếu.  - HS nhận xét bạn.  - Nghe  - HS thảo luận và thực hiện yêu cầu bài tập.  - 3 cặp HS báo cáo kết quả.  - HS khác nhận xét nhóm bạn  - 1 HS nêu yêu cầu bài  - HS thực hiện cá nhân tại chỗ.  - 2, 3 HS lên thực hiện.  - HS trả lời  - HS nhận xét bạn.  - HS thực hiện quay kim đồng hồ theo yêu cầu và trả lời.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi trò chơi. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .....................................................................................................................................  .................................................................................................................................... | | |

**Tiếng Việt**

**Bài viết 1: ÔN CHỮ VIẾT HOA: R, S**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**1.1.Năng lực ngôn ngữ:**

- Ôn luyện cách viết chữ hoa R, S cỡ nhỏ và chữ thường cỡ nhỏ thông qua bài tập ứng dụng.

- Viết tên riêng: Sầm Sơn.

- Viết câu ứng dụng:Rừng thu trăng rọi hòa bình / Nhớ ai tiếng hát ân tình, thuỷ chung.

**1.2. Phát triển năng lực văn học:**

Hiểu câu thơ thể hiện niềm tự hào, mến yêu cảnh đẹp thiên nhiên và nỗi niềm thương nhớ dành cho con người.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy,

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:5p**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học: Trò chơi: Tiếp sức  + Thi đua nói tiếp nhau nêu những từ ngữ chỉ cuộc sống sôi động nơi đô thị.  + GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá***.10p*  **2.1. Hoạt động 1: Luyện viết trên bảng con.**  ***a) Luyện viết chữ hoa.***  - GV dùng video giới thiệu lại cách viết chữ hoa R, S.    - GV mời HS nhận xét sự khác nhau, giống nhau giữa các chữ R, S.  - GV viết mẫu lên bảng.  - GV cho HS viết bảng con.  - Nhận xét, sửa sai.  ***b) Luyện viết câu ứng dụng.***  \* Viết tên riêng: ***Sầm Sơn***  - GV giới thiệu về Sầm Sơn  - GV mời HS luyện viết tên riêng vào bảng con.  - GV nhận xét, sửa sai.  \* Viết câu ứng dụng:  **Rừng thu trăng rọi hòa bình /**  **Nhớ ai tiếng hát ân tình, thuỷ chung.**  - GV mời HS nêu ý nghĩa của 2 câu thơ trên.  - GV nhận xét bổ sung:  - GV mời HS luyện viết từ vào bảng con.  - GV nhận xét, sửa sai  **3. Luyện tập***.15p*  - GV mời HS mở vở luyện viết 3 để viết các nội dung:  + Luyện viết chữ R, S.  + Luyện viết tên riêng: Sầm Sơn  + Luyện viết câu ứng dụng:  *Rừng thu trăng rọi hòa bình /*  *Nhớ ai tiếng hát ân tình, thuỷ chung.*  - GV theo dõi, giúp đỡ HS hoàn thành nhiệm vụ.  - Chấm một số bài, nhận xét, tuyên dương.  **4. Vận dụng. 5p**  **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  + Cho HS quan sát một số bài viết đẹp từ những học sinh khác.  + GV nêu câu hỏi trao đổi để nhận xét bài viết và học tập cách viết.  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát lần 1 qua video.  - HS quan sát, nhận xét so sánh.  - HS quan sát lần 2.  - HS viết vào bảng con chữ hoa R, S  - HS nhận xét  - HS quan sát  - HS lắng nghe.  - HS viết tên riêng trên bảng con: Sầm Sơn.  - HS trả lời theo hiểu biết.  - HS viết từ ứng dụng vào bảng con: *Rừng, Nhớ*  - HS lắng nghe.  - HS mở vở luyện viết 3 để thực hành.  - HS luyện viết theo hướng dẫn của GV  - Nộp bài  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS quan sát các bài viết mẫu.  + HS trao đổi, nhận xét cùng GV.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**

*Thứ tư, ngày 19 tháng 2 năm 2025*

**Tiếng Việt**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nghe cô (thầy) đọc văn bản, nhớ nội dung chính của văn bản. Dựa vào tranh minh hoạ và câu hỏi gợi ý, trả lời được các CH. Hiểu nội dung văn bản (môi trường đô thị đang bị ô nhiễm nhất là môi trường nước, không khí và cách mà con người góp phần giảm ô nhiễm môi trường).

- Lắng nghe bạn trả lời, biết nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn.

- Biết trao đổi cùng các bạn về những thông tin trong bài**.**

**1.2 Phát triển năng lực văn học**

Bước đầu biết nói một cách hình ảnh để gây chú ý đối với người nghe.

**2 Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**\*Giáo dục địa phương**

- Nêu được tình hình rác thải ở địa phương

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy,

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:5p**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + HS xem một đoạn video clip nói về ô nhiễm môi trường đô thị.  *+ Em hãy cho viết về tình hình ô nhiễm môi trường ở địa phương****.(Tích hợp giáo dục địa phương* mục 4 chủ đề 8)**  + GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá: 10p**  **2.1. Hoạt động 1: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi**  **a. Nghe thông tin**  - GV trình bày văn bản  - GV lưu ý HS theo dõi những câu hỏi trong SGK để có định hướng khi nghe.  + HS nghe lần 1: Nhớ nội dung chính của bài và ghi lại những từ khó cần giải nghĩa.  + HS nghe lần 2: Rà soát những từ khó đã ghi trước đó xem đầy đủ, chính xác chưa; ghi nhanh thông tin để trả lời các câu hỏi.  + HS nghe lần 3: Rà soát lại các câu trả lời, điều chỉnh bổ  − GV cùng HS giải thích những từ khó mà HS chưa rõ nghĩa.  **+ Trả lời câu hỏi**:  - GV mời 1 HS đọc 4 câu hỏi trong BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.  GV tổ chức các trò chơi: ***Phỏng vấn.***  Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 HS trả lời; cả lớp cho ý kiến bằng cách giơ tay nếu đồng ý hoàn toàn. Những HS chưa đồng ý hoàn toàn sẽ chia sẻ ý kiến. GV nhận xét và chốt câu trả lời đúng.  (1) Vì sao môi trường ở đô thị dễ bị ô nhiễm?  2) Nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nước là gì?  (3) Nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí là gì?  (4) Ô nhiễm nước và không khí gây ra những bệnh gì?  5) Để giảm ô nhiễm, chúng ta cần làm gì  - Các nhóm cử đại diện chơi trò chơi  - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá  **2. 2. Hoạt động 2. Thảo luận**  ***Em đã và sẽ làm gì để góp phần giảm ô nhiễm môi trường?*** (BT 2)  − 1 HS đọc câu hỏi 2. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi.  − HS chia sẻ với bạn những việc đã làm và sẽ làm.  - GV khuyến khích, hướng dẫn HS:  +Chia sẻ về những việc bản thân đã làm.  + Chia sẻ về dự định làm một số việc vừa sức để góp phần bảo vệ môi trường  - GV gọi 2 – 3 HS phát biểu, các HS khác bổ sung, nhận xét.  - GV nhận xét và chốt lại vấn đề:  **4. Vận dụng.5p**  - GV cho Hs nghe thông tin về bảo vệ môi trường đô thị  - GV trao đổi những cảm nhận của em sau khi nghe thông tin  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà kể lại cho người thân nghe những thông tin về bảo vệ môi trường đô thị.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy.- Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS xem video  -HS nêu thực tế  - HS lắng nghe và ghi nhớ  -HS đọc câu hỏi, cả lớp đọc thầm  - Nhóm thảo luận.  - HS chia sẻ:  - HS xung phong trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe.  - HS tham gia trò chơi  - HS theo dõi thông tin  HS thảo luận nhóm đôi  Đại diện các nhóm chia sẻ  - HS cùng trao đổi nêu cảm nhận của mình  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**

**Toán**

**THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc được giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng 5 phút một (có số phút là bội của 5).

**2. Năng lực.**

- Đọc đúng giờ trên đồng hồ theo yêu cầu. (NL tư duy và lập luận toán học)

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy (mô hình đồng hồ thật).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:5 phút**  - GV tổ chức trò chơi “ Bắn tên”về nội dung quay đồng hồ để đồng hồ chỉ giờ đúng theo yêu cầu, để khởi động bài học.  - GV phổ biến luật chơi: 1 bạn sẽ nêu giờ cho 1 bạn quay đồng hồ, ai quay đúng sẽ được đưa ra yêu cầu cho bạn khác (Yêu cầu về giờ đúng, giờ rưỡi, giờ theo từng 5 phút một)  - Gv nhận xét, tuyên dương HS.  **2. Luyện tập: 23 phút**  **Bài 3: Xem đồng hồ và đọc giờ theo mẫu (Làm việc cá nhân)**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  - GV HD HS phân tích mẫu và rút ra cách đọc giờ hơn và giờ kém.  - YC HS làm bài cá nhân  - Gọi HS nêu kết quả bài làm  - GV mời HS nhận xét bạn  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **Bài 4:**  **a.(Trò chơi học tập)**  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ong tìm chữ” để hoàn thành bài tập tìm cách đọc giờ tương ứng cho đồng hồ. GV sẽ chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội 6 bạn và phổ biến luật chơi. Đội nào tìm nhanh và đúng là đội giành thắng cuộc.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc  - GV gọi Hs đọc giờ tương ứng với đồng hồ  **b. (Hoạt động cá nhân)**  - GV gọi HS đọc yêu cầu  - GV yêu cầu HS đọc cá nhân đồng hồ điện tử  - GV gọi HS đọc giờ trước lớp  + Khi đồng hồ chỉ 7 giờ 55 phút thì còn thiếu mấy phút nữa để đồng hồ chỉ đúng 8 giờ?  + Vậy 7 giờ 55 phút thì còn có cách đọc giờ khác như thế nào?  - GV hỏi tương tự với hai đồng hồ còn lại để tìm ra giờ kém.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **3. Vận dụng: 7 phút**  **Bài 5: (Hoạt động nhóm 4)**  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 với các yêu cầu sau:  + Câu 1: Nói về hoạt động và thời gian diễn ra hoạt động đó ở mỗi bức tranh (ý a)  + Câu 2: Hoàn thành vào bảng theo mẫu (ý b)  - GV mời các nhóm báo cáo kết quả  - GV mời HS nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, tuyên dương HS  - GV nhận xét tiết học. | - HS tham gia trò chơi  - Nghe  - 1 HS nêu đề bài.  - HS lắng nghe  - HS làm bài cá nhân  - 3 HS nêu kết quả bài làm  - HS nhận xét bài bạn  - 1 HS nêu yêu cầu  - HS nghe phổ biến luật chơi và thực hiện chơi trò chơi. HS khác cổ vũ bạn.  - 2, 3 HS đọc giờ.  - 1 HS đọc yêu cầu  - HS tự đọc cá nhân  - 3 HS đọc bài  - HS trả lời  - HS thực hiện theo yêu cầu để tìm ra giờ kém: 1 giờ kém 25 phút, 12 giờ kém 20 phút.  - 1 HS nêu yêu cầu  - HS hoạt động nhóm 4 thực hiện yêu cầu GV đưa ra.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả:  - HS nhận xét, bổ sung. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**

|  |
| --- |
|  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

Ở phần luyện tập bài tập *1 cho hs hoạt động cặp đôi sau đó chia sẻ trước lớp.*

---------------------------------------------------------------

**Tự nhiên và xã hội**

**CƠ QUAN TIÊU HÓA (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**1.1. Về nhận thức khoa học :**

- Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tiêu hoá.

**1.2. Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Luyện tập và mở rộng hiểu biết về một số việc cần làm hoặc cần tránh để bảo vệ cơ quan tiêu hoá.

- HS có ý thức thay đổi thói quen ăn uống để bảo vệ cơ quan tiêu hoá.

**1.3. Về vận dụng kiến thức , kĩ năng đã học**

- Vận dụng những kiến thức đã học để nhắc nhở các bạn không nên nói chuyện, cười đùa trong khi ăn.

**2. Phẩm chất :**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 3 phút**  - GV tổ chức cho HS chơi trò *“ Vượt chướng ngại vật”*  - Cách chơi: GV chiếu một số câu hỏi, HS chọn đáp án và viết vào bảng con. Giơ bảng khi có hiệu lệnh.  - GV tổ chức cho HS chơi  *Gợi ý câu hỏi:*  Câu 1: *Quá trình tiêu hoá gồm 3 giai đoạn (lấy vào, tiêu hoá, thải ra).*  A. Đúng B*.* Sai  Câu 2: *Ở dạ dày, thức ăn được nhào trộn, nghiền nát thành dạng lỏng. Một phần thức ăn được dịch vị biến đổi thành chất dinh dưỡng.*  A. Đúng B. Sai  Câu 3: *Cơ quan tiêu hoá có chức năng biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng nuôi cơ thể và thải các chất cặn bã ra ngoài.*  A. Đúng B. Sai  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Ở tiết học trước cô trò ta đã tìm hiểu về chức năng của cơ quan tiêu hoá. Hôm nay cô trò mình tiếp tục tìm hiểu về “Cơ quan tiêu hoá” tiết 3.*  **2. Khám phá***: 7 phút*  **5. Bảo vệ cơ quan tiêu hoá**  **Hoạt động 6. Tìm hiểu về những việc cần làm hoặc cần tránh để bảo vệ cơ quan tiêu hoá**  - GV mời HS đọc yêu cầu đề bài.  **-** GV chia lớp thành các nhóm. Phát cho mỗi nhóm một chiếc bánh mì hoặc cơm. Yêu cầu HS trong nhóm nhai kĩ khoảng một phút.  - Tiếp theo, trưởng nhóm điều khiển các bạn chia sẻ về:  + Sự thay đổi độ cứng và vị của miếng bánh mì hoặc cơm trước và sau khi nhai.  + Vai trò của răng, lưỡi và nước bọt khi ăn.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày.  - GV mời đại diện nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV chốt hoạt động và mời HS đọc lại.  *Ở khoang miệng, thức ăn được nghiền nhỏ, nhào trộn, tẩm ướp. Khi nhai kĩ, nước bọt sẽ giúp biến đổi một lượng nhỏ thức ăn chứa chất bột như bánh mì, cơm, ... thành đường.*  **3. Luyện tập***: 15 phút*  **Hoạt động 7. Chơi trò chơi “Hỏi – đáp”**  - GV chiếu khung hình như SGK trang 87.  - Gọi HS lên bảng chỉ và nói nội dung của mỗi khung hình.  - GV tổ chức HS chơi trò “Hỏi – Đáp”  \* *Cách chơi:* GV chia lớp thành hai đôi. Đội trưởng lên bốc thăm xem đội nào được hỏi trước. (Ví dụ: Đội 1 được hỏi trước sẽ cử người nêu câu hỏi, đội 2 cử người trả lời. Nếu trả lời đúng, đội 2 lại nêu câu hỏi để đội 1 trả lời). Ngoài 3 câu hỏi ở SGK, các đội cần chuẩn bị thêm các câu hỏi “Hỏi – đáp” khác để đố đội bạn. Đội nào “hỏi” nhanh, “đáp” đúng và đưa thêm được nhiều câu hỏi hơn là đội thắng cuộc. (Ví dụ: Vì sao không nên ăn quá no?)  + Lớp bầu 3 bạn làm trọng tài để điều khiển và theo dõi các đội chơi.  + 2 đội có 2 phút để chuẩn bị. Ghi nhớ nội dung câu hỏi, trả lời trong SGK và chuẩn bị thêm các câu hỏi – đáp khác.  - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Hoạt động 8: Chia sẻ về sự cần thiết phải thay đổi thói quen trong ăn uống để bảo vệ cơ quan tiêu hóa.**  - GV chiếu câu hỏi, gọi HS đọc.  Em cần thay đổi thói quen nào trong ăn uống để bảo vệ cơ quan tiêu hóa? Vì sao?  - GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4.  - Gọi đại diện nhóm trình bày.  - Gọi đại diện nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **4. Vận dụng: 7 phút**  **Hoạt động 9: Xử lý tình huống**  ***Em sẽ khuyên các bạn thế nào, nếu các bạn cười đùa trong khi ăn?***  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV tổ chức HS thảo luận nhóm đôi.  - Gọi đại diện nhóm trình bày  - Gọi đại diện nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Gọi HS đọc lời con ong SGK trang 87.  - Nhận xét tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe .  - HS chơi.  - 1 Học sinh đọc yêu cầu bài.  - HS trong nhóm nhận bánh mì hoặc cơm, nhai và cảm nhận.  - HS thảo luận nhóm và chia sẻ.  - Đại diện nhóm trình bày.  - Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc lời con ong ở trang 85 SGK.  - HS quan sát  - 1,2 HS lên bảng, cả lớp lắng nghe, quan sát.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - 3 HS làm trọng tài điều khiển trò chơi và theo dõi các đội chơi.  - 2 đội chuẩn bị các câu hỏi – đáp  - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe  - 1,2 HS đọc, cả lớp quan sát  - HS thảo luận nhóm 4  - Đại diện nhóm trình bày.  + HS chia sẻ về những thói quen các em ăn uống chưa tốt như ăn không đúng giờ, ăn quá no, ... Giải thích được lí do vì sao cần thay đổi.  - Đại diện nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát  - HS đọc đề bài  - Nhóm trưởng điều hành nhóm:  Yêu cầu thành viên nghiên cứu tình huống, phân vai và tổ chức đóng vai trong nhóm.  - Một đến hai nhóm lên bảng đóng vai, đưa ra lời khuyên cho các bạn.  - Đại diện nhóm nhận xét.  - HS đọc: Các bạn nhớ tập cho mình thói quen ăn đúng giờ, ăn đủ bữa, không ăn quá no; ăn chậm, nhai kĩ; thường xuyên tập thể dục và vận động vừa sức.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**

**Tự chọn**

**CCKT SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố khắc sâu các dạng toán so sánh các số trong phạm vi 10 000 (NL mô hình hóa toán học, NL giải quyết vấn đề toán học)

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

- Bảng phụ (bài 3; 4);

**2. Học sinh:**

-Vở ghi

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** 5P  Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  **2. Luyện tập: 22p**  **Bài 1**:a)**Khoanh vào số lớn nhất:**  3846; 3825; 4764; 4674  a)**Khoanh vào số bé nhất:**  7468; 6369; 4486; 4396  **Bài 2**: **Điền Dấu>, <hoặc = vào chỗ chấm:**  3564 …. 3546 7638 …. 7000 + 368 4999 …..5000 6097 …. 6000 + 79  5079 ….. 5100 8005 …. 8000 + 5  999 …. 1001 2014 …. 2013  **Bài 3:Số?**  Số bé nhất có bốn chữ số là:…….  Số bé nhất có bốn chữ số khác nhau là:…….  Số lớn nhất có bốn chữ số là………  Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau là:……..  **3.Vận dụng:** 8p  **Bài 4:**  Tìm số lớn nhất có bốn chữ số mà tổng các chữ số của số đó bằng 32.  - Với 4 chữ số 0, 3, 4, 5. Hãy lập các số có 4 chữ số sao cho mỗi số có các chữ số khác nhau. Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn. | HS hát tập thể  - HS đọc bài toán  Làm bài cá nhân  Chữa bài  - HS đọc đề bài.  - 1 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở  - HS tự làm bài.  - Nhận xét, đánh giá  - HS làm bài sau đó chia sẻ kết quả.  - HS làm bài sau đó trao đổi với bạn kết quả |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

---------------------------------------------------

*Thứ năm, ngày 20 tháng 2 năm 2025*

**Tiếng Việt**

**Bài đọc 2: NHỮNG TẤM CHÂN TÌNH (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

**1.1. Năng lực ngôn ngữ:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vẫn, thanh HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài: tấm chân tình, choáng ngợp, hủ tiếu, tô, nhen, trông nhau, nhiêu... Trả lời được các CH về nội dung bài.

- Nhận biết các câu có sử dụng từ bằng. Biết đặt câu bày tỏ cảm xúc về một nội dung của bài đọc.

**1.2.Phát triển năng lực văn học:**

- Hiểu ý nghĩa của bài: Những ấn tượng đẹp của tác giả khi đến với Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là ấn tượng về cách sống chân tình của con người nơi đây.

- Biết bày tỏ sự yêu thích đối với các câu văn hay, hình ảnh đẹp trong văn bản.

**2 Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.5p**  - GV tổ chức trò chơi “Tiếp sức”.  - Hình thức chơi: HS nối tiếp mỗi em nêu tên Phố ở Hà nội mà em biết  - GV Nhận xét, tuyên dương.  -Cho HS nghe một đoạn trong bài hát Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh của nhạc sĩ Xuân Hồng do một bạn thiếu niên/nhóm thiếu niên trình bày  + Bài hát này nói về thành phố nào?  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá***.35p*  **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm toàn bài.  - GV HD đọc: Đọc diễn cảm toàn bài. Giọng thong thả, trang trọng. Nhấn giọng các từ gợi tả, gợi cảm.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: (6 đoạn)  + Đoạn 1: Từ đầu đến *ngoài bắc*.  + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *mà sống*  + Đoạn 3: Tiếp theo cho đến *nhiều lắm*  + Đoạn 4: Còn lại  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - Luyện đọc từ khó:  *trở lại, không lăn nổi, nắng chói chang, nhiêu đó, mưa rào, rả rích, chủ quán, vẫy tay, loay hoay, nhiều lần nữa*  - Luyện đọc câu: *Lần đầu tới Thành phố Hồ Chí Minh, / tôi bị choáng ngợp bởi thành phố khác xa nơi tôi sống. / Thành phố đón tôi bằng cơn mưa rào bất chợt./ Mưa đến nhanh và kết thúc cũng nhanh,/ chẳng rả rích như những cơn mưa ngoài Bắc.//*  - GV kết hợp cho HS giải nghĩa từ  *-* Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.  - GV nhận xét các nhóm.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu.**  - GV tổ chức theo kĩ thuật Mảnh ghép: mỗi nhóm chuyên trả lời 1 câu hỏi. Sau đó, ở nhóm ghép, HS sẽ thảo luận cả 3 câu hỏi.  - Một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nêu ý kiến, bổ sung.  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Lần đầu đến Thành phố Hồ Chí Minh, tác giả có ấn tượng gì?  + Câu 2: Lần thứ hai đến thành phố, tác giả có thêm ấn tượng đặc biệt về điều gì?  + Câu 3: Câu nói của chú chủ quán “Có gì đâu, con! Người với người trông nhau mà sống.” thể hiện cách sống như thế nào?  GV cho HS liên hệ thực tế.  GV nhận xét, tuyên dương.  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV Chốt: ***Những ấn tượng đẹp của tác giả khi đến với Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là ấn tượng về cách sống chân tình của con người nơi đây.***  **3. Hoạt động luyện tập : 25p**  ***1. Tìm câu có sử dụng từ “ bằng”***  **-** GV chiếu bài làm lên bảng.  **-** Cho HS làm việc nhóm đôi viết vào VBT  - Cho nhóm báo cáo kết quả, Gv chiếu bài làm HS lên  **-** Lớp nhận xét, GV nhận xét chốt đáp án đúng  - GV nhận xét tuyên dương.  ***2. Biết đặt câu bày tỏ cảm xúc về một nội dung của bài đọc.***  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV giao nhiệm vụ làm việc cá nhân sau đó dán câu đã ghi vào nhóm; Đại diện nhóm trình bày  - GV mời HS trình bày.  GV trình chiếu BT 2 trên bảng, một số HS trình bảy kết quả  - GV mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương  **4. Vận dụng : 5p**  **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  - giai đoạn chống dịch Covid - 19 của thành phố để các em chia sẻ hiểu biết của mình về Thành phố Hồ Chí Minh nhân hậu và kiên cường  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS tham gia trò chơi  - Lần lượt mỗi học sinh đều thực hiện.  - HS lắng nghe.  - Bài hát nói về Thành phố Hồ Chí Minh  - Hs lắng nghe.  - HS lắng nghe cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát  - HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS ghép được các từ ngữ với lời giải từ ngữ  - HS luyện đọc theo nhóm 4.  - HS trả lời lần lượt các câu hỏi:  - 1-2 HS nêu nội dung bài theo hiểu biết.  - HS đọc lại nội dung bài.  - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi:  - HS trình bày, lớp nhận xét. Nêu ý kiến:  - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân, và ghép vào phiếu nhóm để trình bày.  a) Đặt câu về thời tiết ở Thành phố Hồ Chí Minh:  b) Đặt câu về người Thành phố Hồ Chí Minh:  - Các nhóm nhận xét.  - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS chia sẻ theo cảm nhận của mình.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**

**Toán**

**THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ (TIẾP THEO – T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc được giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng phút.

**2. Năng lực.**

- Vận dụng được cách xem giờ vào thực tế.(Nl tư duy và lập luận toán học)

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy (mô hình đồng hồ thật).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:5 phút**  - GV tổ chức trò chơi: *Ai nhanh – Ai đúng về* xem đồng hồ theo giờ đúng để khởi động bài học.  - GV phổ biến luật chơi và hướng dẫn HS cách chơi: Nhìn đồng hồ và nêu giờ đúng của đồng hồ. Ai giơ tay nhanh nhất và có câu trả lời đúng sẽ được tặng 1 sticker.  + 9 giờ 45 phút, 12 giờ 25 phút, 7 giờ 55 phút, 2 giờ 10 phút, 4 giờ 15 phút.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá: 10 phút**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và hỏi để nhận ra tranh vẽ hình ảnh trên xe bus và đồng hồ điện tử chỉ 7 giờ 12 phút.  - GV yêu cầu HS lấy mô hình đồng hồ  - GV hướng dẫn HS quan sát các vạch trên đồng hồ giữa hai số liên tiếp.  + Từ vạch số 12 đến vạch số 1 có mấy vạch?  + Vậy có mấy vạch ở giữa hai số liên tiếp?  - GV nhận xét, kết luận: Có 4 vạch ở giữa hai vạch số liên tiếp. Mỗi khi kim phút chỉ đến 1 vạch trên mặt đồng hồ thì có một phút.  - GV chỉnh kim đồng hồ quay tới 1 vài vị trí rồi hướng dẫn cho HS đọc giờ thích hợp.  + 7 giờ 12 phút, 10 giờ 27 phút, 9 giờ 56 phút.  + Khi đồng hồ chỉ 9 giờ 56 phút thì thiếu mấy phút nữa để đồng hồ chỉ 10 giờ đúng?  + Vậy 9 giờ 56 phút ta còn có cách đọc khác như thế nào?  - GV mời HS nhận xét.  + Lúc 9 giờ 32 phút thì kim phút chỉ vào vạch nào?  + Lúc 10 giờ kém 7 phút thì kim phút chỉ vào vạch nào?  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  + Vậy trên hình ảnh minh hoạ, đồng hồ của bạn nam chỉ mấy giờ?  - GV nhận xét.  **3. Luyện tập: 13 phút**  **Bài 1: Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ (Làm việc cá nhân)**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài  **-** GV cho HS làm bài miệng, trả lời cá nhân.  + Đồng hồ xanh dương chỉ mấy giờ?  + Vì sao em biết đồng hồ chỉ 5 giờ 8 phút.  - Gọi HS đọc giờ các đồng hồ khác  - GV Mời HS khác nhận xét.  **-** GV nhận xét chung, tuyên dương.  **Bài 2: Mỗi đồng hồ sau chỉ thời gian tương ứng với cách đọc nào? (Trò chơi học tập)**  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng” nối đồng hồ với cách đọc giờ tương ứng.  - GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 6 bạn.  - GV phổ biến luật chơi, cách chơi: Nối đồng hồ với cách đọc giờ tương ứng. Đội nào nối nhanh, đúng thì sẽ giành thắng cuộc.  - GV nhận xét, chữa bài và tuyên dương HS.  - GV lưu ý cho HS đọc đồng hồ B, C, E theo cách đọc khác.  - GV gọi HS nhận xét.  **-** GV nhận xét chung, tuyên dương.  **4. Vận dụng.7 phút**  - GV hỏi: Buổi sáng em đi học lúc mấy giờ?  + Buổi trưa em được tan học lúc 10 giờ 45 phút thì kim dài sẽ chỉ vào số mấy?  + Em ăn cơm lúc 11 giờ 8 phút thì kim dài sẽ chỉ vào vạch nào?  - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.  - GV nhận xét tiết học. | - HS tham gia chơi trò chơi  - HS nhìn đồng hồ và nêu giờ đúng  - Nghe  - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi để chỉ ra tranh vẽ hình ảnh trên xe bus và đồng hồ điện tử chỉ 7 giờ 12 phút.  - HS lấy mô hình đồng hồ  - HS quan sát  - HS trả lời  - 3 HS đọc theo yêu cầu  - HS trả lời.  - HS nhận xét  - HS trả lời.  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS trả lời.  - 1 HS đọc yêu cầu bài  - HS quan sát, đọc giờ và trả lời.  - 5 HS đọc giờ đồng hồ.  - HS nhận xét.  - 1 HS đọc yêu cầu bài  - HS thành 2 đội, HS khác cổ vũ.  - HS tham gia chơi theo yêu cầu.  - HS nhận xét.  - 3 HS đọc theo yêu cầu.  - HS nhận xét.  - HS trả lời theo ý mình.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**

*Thứ sáu, ngày 21 tháng 2 năm 2025*

**Tiếng Việt**

**BÀI VIẾT 2: THƯ ĐIỆN TỬ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

1.1**Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Bước đầu làm quen với thư điện tử, biết hình thức trình bày một bức thư điện tử (người nhận, chủ đề thư, lời đầu thư, nội dung thư, cuối thư); những phương tiện cần thiết để viết và gửi thư điện tử.

**1.2 Phát triển năng lực văn học:**

- Thể hiện được tình cảm, cảm xúc của bản thân qua thư.

**2 Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy,

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:5p**  - GV tổ chức nghe hát : ba ngọn nến lung linh để khởi động bài học.  - GV cùng trao đổi về nội dung bài hát  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá***.10p*  − GV mời 1 HS đọc trước lớp YC của BT 1.  – GV cho HS chọn đề 1 hoặc đề 2.  − GV đặt câu hỏi gợi ý:  + Em sẽ viết thư gửi ai?  + Dòng đầu thư, em sẽ viết thế nào?  + Em dùng cặp từ xưng hô nào để thể hiện sự kính trọng?  + Trong phần nội dung, em sẽ hỏi thăm ông điều gì, kể cho ông nghe điều gì?  + Phần cuối thư, em chúc ông điều gì, hứa hẹn điều gì?  + Kết thúc lá thư, em viết gì?  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3. Thực hành :15p**  **Viết thư (BT 1, BT 2)**  -HS viết thư vào giấy đã chuẩn bị. HS minh hoạ nội dung bức thư: gắn tranh ảnh chuẩn bị sẵn.  − GV đến từng bàn giúp đỡ HS yếu, kém; khuyến khích HS khá, giỏi viết, sáng tạo; phát hiện những bức thư hay.  - GV mời một vài em đọc thư trước lớp.  Cả lớp và GV nhận xét, khen ngợi những HS viết thư hay, diễn đạt lưu loát; dùng từ xưng hô phù hợp, tình cảm; minh hoạ đẹp, phù hợp nội dung bức thư.  - GV đọc, chữa 5 – 7 bức thư (lỗi chính tả, từ, câu ,...). HS tự chữa lỗi trong bức thư của mình.  - GV thu một số bài chấm và nhận xét chung cả lớp.  **Viết phong bì thư (BT 3)**  HS thực hành viết các thông tin cần thiết lên phong bì đã chuẩn bị; dán tem thư.  - Một số HS giới thiệu phong bì thư của mình. HS và GV nhận xét. GV hướng dẫn HS sửa / bổ sung thông tin trên phong bì  **4. Vận dụng.**  **-** GV mở cho HS chơi trò chơi: Gấp thư  +GV cho HS tham gia trò chơi để nhận biết cách gấp thư, bỏ thư vào phong bì, dán phong bì để chuẩn bị gửi thư.  + Nêu cảm nhận của em khi gấp phong bì thư  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS lắng nghe bài hát.  - HS lắng nghe.  HS chọn đề để viết  HS trả lời  GV nghe HS nhận xét, sửa sai  - Các nhóm khác nhận xét, trao đổi thêm  - HS viết bài vào vở ôli.  - 1-3 HS đọc bài viết của mình trước lớp- các HS khác nhận xét  - HS viết vào giấy  -GV giúp đỡ  - 2- 3 Hs đọc bài viết trước lớp.  - HS trang trí thêm trên phong bì thư, như vẽ hoa, ngôi sao,... vào những vị trí phù hợp.  - Cùng trao đổi với GV về cảm nhận của mình về cách gấp phong bì thư.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**

**Toán**

**THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ (TIẾP THEO – T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc được giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng phút.

**2. Năng lực.**

- Vận dụng được cách xem giờ vào thực tế.(NL tư duy và lập luận toán học)

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy (mô hình đồng hồ thật).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:5 phút**  - GV mời 3 HS lên bảng quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ:  + 7 giờ 17 phút, 10 giờ kém 6 phút, 3 giờ 45 phút.  - GV mời HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **2. Luyện tập: 23 phút**  **Bài 3: Hai đồng hồ nào dưới đây chỉ cùng thời gian vào buổi chiều hoặc buổi tối? (Làm việc nhóm đôi)**  - GV mời HS nêu yêu cầu bài.  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi (1 bạn đọc giờ đồng hồ điện tử H, I, K, L, M ,N - 1 bạn nêu giờ tương ứng trên các đồng hồ A, B, C, D, E, G)  - GV gọi HS các nhóm báo cáo kết quả lần lượt theo từng đồng hồ.  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  - GV gọi HS đọc giờ trên đồng hồ A, C, E theo cách đọc khác.  - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.  **Bài 4: Quan sát tranh vẽ rồi trả lời các câu hỏi? (Làm việc nhóm 4)**  - GV mời HS nêu yêu cầu bài.  - Chia lớp thành các nhóm 4, thảo luận và trả lời theo đề bài.  a. + Lan bắt đầu vẽ tranh lúc mấy giờ?  + Lan vẽ xong tranh lúc mấy giờ?  + Vậy Lan vẽ tranh trong thời gian bao nhiêu phút?  b.  + Hai bố con nặn bánh lúc mấy giờ?  + Hai bố con luộc bánh lúc mấy giờ?  + Hai bố con vớt bánh lúc mấy giờ?  + Bánh luộc bao lâu thì chín?  + Hai bố con làm bánh trong thời gian bao nhiêu phút?  - GV mời đại diện các nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm khác nhận xét  - GV Nhận xét chung, tuyên dương.  **3. Vận dụng: 7 phút**  **Bài 5: Trò chơi “Đố bạn”**  - GV mời HS nêu yêu cầu bài.  - Chia lớp thành các nhóm 4 cùng chơi và trả lời theo đề bài.  + 1 bạn hỏi và chỉ định 1 bạn trong nhóm trả lời, các bạn khác dùng mô hình để xác nhận câu trả lời. Các thành viên luân phiên nhau hỏi và trả lời.  - GV gọi 2-3 nhóm chia sẻ trước lớp  - GV mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học. | - 3 HS lên bảng thực hiện  - HS khác nhận xét bạn.  - 1 HS nêu yêu cầu bài.  - HS thực hiện nhóm đôi theo YC.  - Các nhóm đọc kết quả  - HS khác nhận xét bạn.  - HS lắng nghe  - 3 HS đọc:  - 1 HS nêu yêu cầu bài.  - Lớp chia nhóm và thảo luận.  - HS trả lời các câu hỏi  - Đại diện các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe.  - 1 HS nêu yêu cầu bài.  - Lớp chia nhóm và chơi.  - 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp.  - Các nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe. |
|  | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**

**Hoạt động trải nghiệm**

**Sinh hoạt cuối tuần: VỆ SINH MÔI TRƯỜNG LỚP HỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Thực hiện vệ sinh môi trường lớp học.Có ý thức giữ gìn lớp học sạch sẽ. (NL thích ứng cuộc sống)

**2. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng bạn, yêu quý và cùng bạn bè chung tay xây dựng một lớp học thân thiện, sạch sẽ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện giữ gìn môi trường xanh- sạch - đẹp.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng bạn bè trong lớp**.**

**3.Tích hợp GDĐP**

-Hs tìm hiểu trình trạng xử lý rác nơi mình đang sinh sống

.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên:

- Loa, míc, máy tính có kết nối mạng Internet, video hài...

2. Học sinh: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (2 phút)**  - GV mở bài hát “ Em yêu cây xanh ” để khởi động bài học. HS hát và khởi động theo bài hát.  + GV nêu câu hỏi: Trồng nhiều cây xanh cho chúng ta những lợi ích gì?  + Mời học sinh trình bày.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới.  **2. Sinh hoạt cuối tuần***:15 phút*  **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc nhóm 2)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  + Kết quả sinh hoạt nền nếp.  + Kết quả học tập.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nề nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.  **3. Sinh hoạt chủ đề**: **10 phút**  - GV hướng dẫn HS phân công nhiệm vụ và chuẩn bị các dụng cụ cần thiết để vệ sinh lớp học như: chổi, khăn lau, hót rác,...  + GV tổ chức cho HS thực hiện vệ sinh lớp học theo nhiệm vụ đã phân công. Nhắc nhở các em chú ý an toàn khi dọn dẹp.  - GV Theo dõi giúp đỡ các tổ làm việc.  - Sau khi dọn xong, GV và HS chia sẻ cảm nghĩ sau buổi lao động:  + Em hãy mô tả tình trạng trước và sau khi dọn dẹp của lớp học?  + Em có cảm nghĩ như thế nào sau khi thực hiện dọn dẹp?  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  **4. Vận dụng: 5 phút**  Ở địa phương em trình trạng xử lý rác được thực hiện như thế nào?**(Tích hợp GDĐP mục 4 chủ đề 8)**  - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Cùng người thân phân loại rác thải trong gia đình.  + Cả nhà có thể cùng nhau dọn dẹp nhà cửa, trồng cây xanh,...``  + Không xả rác bừa bài, giữ gìn vệ sinh chung.  + Tái chế một số hộp nhựa làm chậu trồng cây, hoa,...  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS lắng nghe.  -HS trả lời về nội dung bài hát.  - HS lắng nghe.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay  HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS trao đổi theo suy nghĩ của mình.  - HS lắng nghe.  - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**………………………………………………………………………………………** Chiều

Tự chọn

**CCKT CÂU HỎI BẰNG GÌ?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực :**

**PT Năng lực ngôn ngữ:**

-  Tìm đúng các các bộ phận trả lời câu hỏi Bằng gì? Biết đặt và trả lời câu hỏi bằng gì?

Phát triển năng lực văn học:

- Viết được một số câu có bộ phận trả lời câu hỏi Bằng gì?.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Khởi động.5p**  Cho học sinh chơi trò chơi cô hỏi  - Hằng ngày, em đi học bằng gì ?  - Em nghe bằng gì? …  - Nhận xét, tuyên dương HS  **2. Luyện tập:27p**  **Câu 1. Tìm các bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “bằng gì ? và gạch dưới các bộ phận đó :**  a)   Voi uống nước bằng vòi.  b)   Chiếc đèn ông sao của bé được làm bằng nan tre dán giấy bóng kính.  c)   Các nghệ sĩ đã chinh phục khán giả bằng tài năng của mình.  **Câu 2. Trả lời câu hỏi** :  a)  Hằng ngày, em viết bài bằng gì ?  b) Chiếc bàn em ngồi học được làm bằng gì ?  c)   Cá thở bằng gì ?  **Câu 3. Trò chơi : Hỏi đáp với bạn em bằng cách đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi có cụm từ bằng gì?**  Ví dụ : Chiếc thước kẻ này làm bằng gì ?  - Chiếc thước kẻ này làm bằng nhựa.  **3. Vận dụng: 3p**  - Viết 1,2 câu có bộ phận trả lời câu hỏi bằng gì? .  - Nhận xét tiết học. | + HS tham gia chơi  - HS trả lời.  HS đọc yêu cầu  Làm bài cá nhân  Trình bày  - HS đọc đề bài.  - HS làm việc cá nhân, báo cáo kết quả.  - HS đọc đề bài.  - HS thực hành hỏi – đáp theo nhóm đôi  - HS đọc đề bài.  - HS làm việc cá nhân, báo cáo kết quả. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**

Tự chọn

**ĐTNC: Người thợ săn và những chú chim bồ câu**

Câu 1: Dù sợ hãi nhưng chú chim đầu đã nghĩ ra kế hoạch gì?

Câu 2:Câu chuyện trên giúp em hiểu em hiểu thêm điều gì?

-------------------------------------------------------